TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:61/2022HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ - Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2022/TLST- HNGĐ ngày 09/6/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung vợ chồng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Ngô Văn M1, sinh năm 1984 – có mặt

- **Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1984 – có mặt

Cùng địa chỉ: thôn ĐH, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ngô Văn M2, sinh năm 1969 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

- Anh Ngô Văn H2, sinh năm 1974 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

- Anh Ngô Văn M3, sinh năm 1974– vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

- Anh Ngô Văn T, sinh năm 1988 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1954 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

- Chị Ngô Thị H6, sinh năm 1977 - có mặt

- Anh Ngô Văn B, sinh năm 1980 – có mặt

Cùng địa chỉ: thôn ĐH, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Nguyễn Lương M4, sinh năm 1958 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bà Lương Thị H3, sinh năm 1959 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: thôn ĐV, xã ĐL, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Ngô Văn M1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị Minh H1 kết hôn với nhau ngày 13/3/2008 tại UBND xã HT. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, không bị ai ép buộc. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, cưới xong chị H1 về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H1 có quan hệ nhắn tin với người khác dẫn đến hai vợ chồng nghi ngờ. Do vậy, hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, xô xát với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với chị H1

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung cháu Ngô Phương M4, sinh ngày 20/3/2009 và cháu Ngô Huy H4 sinh ngày 01/5/2013. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị H1 phải góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

Anh yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là một nhà tầng và một khu nhà bếp; 01 bộ bàn ghế; 01 bộ bàn thờ, 01 kệ ti vi; 01 tivi sony;01 tủ lạnh; 01 chiếc giường; 02 điều hòa; 01 máy giặt; giường ngủ, tủ quần áo….

Đối với ngôi nhà, khu bếp, sân được anh làm trên mảnh đất mang tên bố anh là ông Ngô Văn H5 – đã mất năm 2016. Mẹ anh là bà Ngô Thị Đ hiện nay sống cùng em trai anh là anh Tính. Bố mẹ anh có 4 người con chung là chị Ngô Thị H6, sinh năm 1977 – hiện đã lấy chồng và ở cùng thôn ĐH; Ngô Văn B, sinh năm 1980, anh Ngô Văn T.

Về công nợ chung vợ chồng: anh M1 yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ sau: Nợ anh Ngô Văn H2, sinh năm 1974; anh Ngô Văn M3, sinh năm 1974; anh Ngô Văn M2, sinh năm 1969 mỗi người là 5 triệu đồng. Nợ anh Ngô Văn T là em trai anh số tiền là 35 triệu đồng. Nợ ông Nguyễn Lương M4 bà Lương Thị H3 là bố mẹ vợ số tiền là 80 triệu đồng. Anh đề nghị Tòa án chia đôi số nợ này.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M1 quen biết nhau qua người bạn của anh M1 vì người bạn anh M1 làm cùng với chị. Anh M1 đến nơi làm việc của chị để tìm hiểu và đặt quan hệ với chị. Quá trình tìm hiểu anh chị thấy hợp nhau nên thông nhất đi đến hôn nhân. Về quá trình mâu thuẫn vợ chồng như anh M1 trình bày là đúng, tuy nhiên không phải vì lý do chị ngoại tình. Lý do mâu thuẫn vợ chồng là do chị có chơi mạng xã hội nhắn tin trêu đùa dẫn đến anh M1 hiểu lầm là chị có quan hệ với

người khác. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh M1 xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh M1 trình bày là đúng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu M4, anh M1 nuôi cháu H4.

Về tài sản chung: Các tài sản anh M1 liệt kê chia chị nhất trí yêu cầu chia đối. Ngoài ra chị không yêu cầu chia các tài sản chung nào khác.

Về công nợ: Anh M1 liệt kê các khoản nợ này chị không có ý kiến gì.

Anh Nguyễn Văn Mùi trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc anh M1 và chị H1 xin ly hôn nhau. Vào ngày 14/7/2017 anh có cho vợ chồng anh M1 và chị H1 vay số tiền là 5 triệu đồng với mục đích là để xây nhà. Hện nay, vợ chồng anh M1 và chị H1 ly hôn anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Sau này, anh Minh và chị H1 không trả nợ được anh thì anh sẽ khởi kiện đến Tòa án sau.

Anh Ngô Văn T trình bày: anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc anh M1 và chị H1 xin ly hôn. Liên quan đến việc chia tài sản chung của vợ chồng anh M1 và chị H1 đối với các tài sản là nhà ở và các tài sản trong nhà của anh M1 và chị H1 anh không có ý kiến gì. Vì đó là tài sản riêng của anh M1 và chị H1.

Đối với quyền sử dụng đất hiện nay anh M1 và chị H1 đang làm nhà trên quyền sử dụng đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 11 giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên ông Ngô Văn H5 cấp năm 2000. Ông Ngô Văn H5 là bố đẻ anh mất năm 2016. Từ khi ông H5 mất đến nay anh em trong gia đình chưa họp để chia mảnh đất này. Vì vậy, đây không phải là tài sản riêng của ai trong gia đình anh. Anh Tính đề nghị Tòa án giao mảnh đất này cho gia đình anh. Nếu trường hợp chị H1 và anh M1 yêu cầu chi tài sản chung trên thửa đất thì anh đồng ý trả bằng tiền. Ngày 10/4/2017 anh có cho vợ chồng anh M1, chị H1 vay 35 triệu để làm nhà. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này trong vụ án ly hôn này. Sau này vợ chồng anh M1, chị H1 không trả được thì anh sẽ khởi kiện đến Tòa án sau.

Anh Ngô Văn M2 trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc anh M1 và chị H1 xin ly hôn nhau. Vào ngày 12/4/2017 anh có cho vợ chồng anh M1 và chị H1 vay số tiền là 5 triệu đồng. Với mục đích là để xây nhà, hiện nay vợ chồng anh M1 và chị H1 ly hôn anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Sau này, anh Minh và chị H1 không trả nợ được anh thì anh sẽ khởi kiện đến Tòa án sau.

Anh Ngô Văn H2 trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc anh M1 và chị H1 xin ly hôn nhau. Vào ngày 12/4/2017 anh có cho vợ chồng anh M1 và chị H1 vay số tiền là 5 triệu đồng. Với mục đích là để xây nhà, hiện nay vợ chồng anh M1 và chị H1 ly hôn anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Sau này, anh Minh và chị H1 không trả nợ được anh thì anh sẽ khởi kiện đến Tòa án sau

Anh Ngô Văn B, chị Ngô Thị H6, bà Nguyễn Thị Đua cùng trình bày:

Liên quan đến việc chia tài sản chung của vợ chồng anh M1 và chị H1 đối với các tài sản là nhà ở và các tài sản trong nhà của anh M1 và chị H1 các anh chị và bà không có ý kiến gì. Vì đó là tài sản riêng của anh M1 và chị H1.

Đối với quyền sử dụng đất hiện nay anh M1 và chị H1 đang làm nhà trên quyền sử dụng đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 11 giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên ông Ngô Văn H5 cấp năm 2000. Ông Ngô Văn H5 là bố đẻ anh mất năm 2016. Từ khi ông H5 mất đến nay anh em gia đình chưa họp để chia mảnh đất này. Vì vậy, đây không phải là tài sản riêng của ai trong gia đình anh. Các anh chị, bà đề nghị Tòa án giao mảnh đất này cho gia đình. Nếu trường hợp chị H1 và anh M1 yêu cầu chi tài sản chung trên thửa đất thì các anh, chị và bà đồng ý trả bằng tiền.

Ông Minh, bà Hiệp trình bày: Chị H1 là con đẻ của ông bà, anh M1 là con rể. Năm 2017 khi anh M1, chị H1 làm nhà thì vợ chồng ông bà có cho vợ chồng anh M1, chị H1 vay số tiền là 80 triệu đồng, hiện nay vẫn chưa trả. Hiện nay, anh M1 và chị H1 ly hôn ông bà không yêu cầu chị H1, anh M1 trả số tiền vay trong vụ án này. Sau này anh M1, chị H1 không trả được ông số tiền này thì ông bà sẽ khởi kiện đến Tòa án sau.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh M1 trình bày: Anh và chị H1 có kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H1 nhắn tin trên Facebook không đúng nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xin được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu M4 sinh năm 2009, cháu H4 sinh năm 2013. Cháu M4 có nguyện vọng được ở với chị H1, cháu H4 có nguyện vọng được ở với anh, anh nhất trí với sự lựa chọn của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh đề nghị chia bằng hiện vật đối với các động sản, đối với bất động sản anh đề nghị được nhận bằng hiện vật và trích chia cho chị H1 bằng tiền.

Về công nợ: Các chủ nợ không đòi nên anh không có ý kiến gì.

Về án phí: Án phí ly hôn anh xin chịu toàn bộ, đối với án phí chia tài sản và chi phí tố tụng đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị H1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị nhất trí ly hôn với anh M1, về con chung chị nhất trí với ý kiến của anh M1 về việc chị nhận nuôi cháu M4, anh M1 nhận nuôi cháu H4 như nguyện vọng của các cháu.

Chị xác định tài sản chung vợ chồng là nhà, bếp, sân, tivi, tủ lạnh, giường, điều hòa….. như anh M1 trình bày là đúng. Đối với đất không phải là tài sản chung vợ chồng nên chị không có ý kiến gì. Chị đề nghị được nhận bằng tiền vì hiện nay chị chưa có chỗ ở ổn định nên khó khăn trong việc nhận các tài sản này.

Về án phí, chi phí tố tụng: Chị nhất trí với ý kiến của anh M1.

Anh Bình, chị Hòa cùng trình bày: Đối với các tài sản là nhà, sân, bếp và các vật dụng trong nhà là tài sản chung của vợ chồng anh M1, chị H1 anh, chị không có ý kiến gì. Đối với đất vẫn mang tên bố anh chị là ông H5 (ông H5 mất năm 2016) nên anh chị đề nghị Tòa án giao các bất động sản là nhà ở, bếp, sân… cho gia đình để gia đình trích chia bằng tiền cho anh M1, chị H1.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 33, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 218, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 244, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

* Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn M1 và chị Nguyễn Thị Minh H1.

* Về con chung: Giao cháu Ngô Phương M4, sinh ngày 20/3/2009 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Ngô Huy H4 sinh ngày 01/5/2013 cho anh Ngô Văn M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M1, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về chia tài sản chung vợ chồng:

Giao cho anh M1 được sử dụng các tài sản gồm:

- 01 một bàn ghế trị giá 30.000.000 đồng;

- 01 máy giặt 1.500.000 đồng;

- 01 tủ quần áo 3.000.000 đồng;

- 01 bộ sập bàn thờ trị giá 9.000.000 đồng;

- 01 kệ tivi trị giá 7.000.000 đồng;

- 01 tivi Sony 55 Inch trị giá 3.000.000 đồng;

- 01 tủ lạnh Panasonic trị giá 1.500.000 đồng;

- 01 giường ngủ trị giá 1.500.000 đồng;

- 02 điều hòa trị giá 7.500.000 đồng;

- 08 rèm cửa trị giá 5.000.000 đồng;

Tổng trị giá là 69.000.000 đồng. Anh M1 phải trích chia cho chị H1 34.500.000 đồng.

Giao cho anh M1, bà Đua, chị Hòa, anh Tính, anh Bình được sử dụng các tài sản gồm:

- 01 nhà 3 tầng trị giá 825.109.000 đồng;

- 01 sân trị giá 11.460.000 đồng;

- 01 nhà tắm + nhà vệ sinh trị giá 7.806.000 đồng;

- 01 bán mái hiên bếp trị giá 3.928.000 đồng;

- 01 bếp trị giá 7.000.000 đồng;

Tổng trị giá là 855.303.000. Anh M1, chị Hòa, anh Tính, anh Bình, bà Đua phải trích chia cho chị H1 427.651.500 đồng.

- Về án phí: Chị H1 phải chịu 22.486.000 đồng tiền án phí. Anh M1 phải chịu 22.636.000 đồng tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng: Anh Ngô Văn M1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh H1 có nơi cư trú tại xã HT, huyện Hiệp Hòa căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang thụ lý là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Minh, bà Hiệp, anh Hùng, anh Mùi, anh Mạnh anh vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh M1, HĐXX thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh M1 và chị H1 kết hôn ngày 13/3/2008, có đăng ký tại UBND xã HT. Trước khi kết hôn anh M1 và chị H1 có được tự do tìm hiểu, tự nguyên đi đến hôn nhân không bị ai ép buộc, không vi phạm các điều cấm cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình) được pháp luật bảo vệ. Theo lời trình bày của anh M1 và chị H1 và các tài liệu có trong hồ sơ xác định được trong quá trình chung sống, chị H1 và Minh có phát sinh mâu thuẫn do hai bên không không tin tưởng nhau, anh M1 nghi ngờ chị H1 có quan hệ với người khác nên hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng sống cùng một nhà nhưng việc ai người đó làm, không quan tâm đến nhau, không nói chuyện chia sẻ với nhau, không ăn cơm cùng nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng của chị H1, anh M1 đã được hai bên gia đình khuyên ngăn hòa giải thể hiện ở lời khai của các đương sự, nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị H1, anh M1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh M1 xin ly hôn chị H1 cũng đồng ý nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H1 và anh M1 là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung cháu Ngô Phương M4, sinh ngày 20/3/2009 và cháu Ngô Huy H4 sinh ngày 01/5/2013. Anh M1 có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, chị H1 có nguyện vọng được nuôi cháu M4, Hội đồng xét xử thấy: Xét về điều kiện nuôi con chung thì cả chị H1 và anh M1 đều đủ khả năng đảm bảo việc nuôi con chung. Cháu M4 có nguyện vọng được ở với chị H1, cháu H4 có nguyện vọng được ở với anh M1. Tại phiên tòa, anh M1 chị H1 thỏa

thuận thống nhất mỗi người nuôi một con chung theo như nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này giao cháu M4 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H4 cho anh M1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự đều thừa nhận hai vợ chồng có các tài sản chung và theo kết quả định giá tài sản của hội đồng định giá có giá trị như sau:

- 01 nhà 3 tầng trị giá 825.109.000 đồng;
- 01 sân trị giá 11.460.000 đồng;
- 01 nhà tắm + nhà vệ sinh trị giá 7.806.000 đồng;
- 01 bán mái hiên bếp trị giá 3.928.000 đồng;
- 01 bếp trị giá 7.000.000 đồng;
- 01 một bàn ghế trị giá 30.000.000 đồng;
- 01 máy giặt 1.500.000 đồng;
- 01 tủ quần áo 3.000.000 đồng;
- 01 bộ sập bàn thờ trị giá 9.000.000 đồng;
- 01 kệ tivi trị giá 7.000.000 đồng;
- 01 tivi Sony 55 Inch trị giá 3.000.000 đồng;
- 01 tủ lạnh Panasonic trị giá 1.500.000 đồng;
- 01 giường ngủ trị giá 1.500.000 đồng;
- 02 điều hòa trị giá 7.500.000 đồng;
- 08 rèm cửa trị giá 5.000.000 đồng;

Tổng tài sản chung của vợ chồng anh M1, chị H1 là: 924.303.000 đồng. Các đương sự đều nhất trí chia đôi tài sản, căn cứ quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận ý kiến của các đương sự nên mỗi người được chia 462.150.500 đồng giá trị tài sản.

- Đối với ý kiến của Anh M1 đề nghị được nhận các bất động sản là nhà, sân, mái hiên và bếp. Còn các động sản khác anh M1 đề nghị chia bằng hiện vật. Chị H1 đề nghị được nhận bằng tiền vì hiện nay chị chưa có nhà ổn định, việc chia bằng hiện vật sẽ làm cho chị khó có thể sử dụng được các tài sản này. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đua, anh Tính, chị Hòa, anh Bình đều đề nghị trả chị H1 bằng tiền mặt các tài sản là bất động sản của vợ chồng chị H1, anh M1, HĐXX thấy: Do các tài sản là bất động sản của vợ chồng anh M1, chị H1 là nhà, bếp, sân, nhà vệ sinh hiện nay đang được xây dựng trên thửa đất số số 82, tờ bản đồ số 11 tại thôn ĐH, xã HT mang tên ông Ngô Văn H5 là chồng bà Đua, bố đẻ anh M1, chị Hòa, anh Tính, anh Bình. Ông H5 chết năm 2016 không để lại di chúc. Hiện nay, các hàng thừa kế thứ nhất của ông H5 chưa phân chia di sản thừa kế này, anh M1 cũng chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đối với phần đất này. Để

đảm bảo quyền lợi của các đương sự và việc sử dụng tài sản được hiệu quả cần giao các tài sản này cho hàng thừa kế thứ nhất của ông H5 và những người này có trách nhiệm trích chia bằng tiền cho vợ chồng anh M1, chị H1. Tổng giá trị các tài sản này trị giá là:

- Đối với các tài sản khác là bất động sản gồm ti vi, tủ lạnh, giường, điều hòa, tủ quần áo, sập thờ, bàn ghế… anh M1 đề nghị chia bằng hiện vật, chị H1 đề nghị được nhận bằng tiền, HĐXX thấy: Hiện nay chị H1 chưa có nhà ở ổn định, việc giao các hiện vật này cho chị H1 sẽ khó khăn trong việc sử dụng, việc tháo dỡ, di chuyển làm ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của đồ vật nên cần chấp nhận ý kiến của chị H1 giao các tài sản này cho anh M1 và buộc anh M1 phải có nghĩa vụ trích chia bằng tiền cho chị H1. Tổng giá trị các tài sản này có 69 triệu đồng nên cần buộc anh M1 trích chia cho chị H1 số tiền là 34.500.000 đồng như ý kiến của chị H1 và đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[2.4]. Đối với các khoản nợ chung của vợ chồng gồm của ông Minh, bà Hiệp anh Mùi, anh Tính, anh Hùng các đương sự này đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 7 thông tư số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 của TAND tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Sau này các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu anh M1, chị H1 trả mình sau.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng: Các đương sự thuận tình ly hôn nên phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm. Anh M1 xin chịu toàn bộ án phí ly hôn nên anh M1 phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về án phí chia tài sản chung: Anh M1, chị H1 mỗi người được hưởng giá trị tài sản là 462.150.500 đồng đồng nên anh M1, chị H1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20 triệu + (62.150.500 đồng x 4% đồng) = 22.486.000 đồng.

- Chi phí tố tụng: Việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản hết 2.000.000 đồng nên anh M1, chị H1 mỗi người phải chịu 1.000.000 đồng. Do anh M1 đã nộp toàn bộ số tiền này nên cần buộc chị H1 phải trả cho anh M1 1.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 156; Điều 157 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC– BTP ngày 06/01/2016;

Điều 24; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn M1 và chị Nguyễn Thị Minh H1.

[2] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh M1 và chị H1. Giao cháu Ngô Phương M4, sinh ngày 20/3/2009 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Ngô Huy H4 sinh ngày 01/5/2013 cho anh Ngô Văn M1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về chia tài sản chung vợ chồng: Giao cho anh M1 được sử dụng các tài sản gồm:

- 01 một bàn ghế trị giá 30.000.000 đồng;

- 01 máy giặt SamSung trị giá 1.500.000 đồng;

- 01 tủ quần áo 3.000.000 đồng;

- 01 bộ sập bàn thờ trị giá 9.000.000 đồng;

- 01 kệ tivi trị giá 7.000.000 đồng;

- 01 tivi Sony 55 Inch trị giá 3.000.000 đồng;

- 01 tủ lạnh Panasonic trị giá 1.500.000 đồng;

- 01 giường ngủ trị giá 1.500.000 đồng;

- 02 điều hòa nhãn hiệu DaiKin một cái loại 9000 BTU; một cái loại 12000 BTU; trị giá hai điều hòa là 7.500.000 đồng;

- 08 rèm cửa trị giá 5.000.000 đồng;

Tổng trị giá tài sản anh M1 được giao là 69.000.000 đồng. Anh M1 phải trích chia cho chị H1 số tiền là 34.500.000 đồng.

- Giao cho anh M1, bà Đua, chị Hòa, anh Tính, anh Bình được sử dụng các tài sản gồm:

- 01 nhà 3 tầng trị giá 825.109.000 đồng;

- 01 sân trị giá 11.460.000 đồng;

- 01 nhà tắm + nhà vệ sinh trị giá 7.806.000 đồng;

- 01 bán mái hiên bếp trị giá 3.928.000 đồng;

- 01 bếp trị giá 7.000.000 đồng;

Tổng trị giá anh M1, chị Hòa, anh Tính, anh Bình, bà Đua được giao là 855.303.000. Buộc Anh M1, chị Hòa, anh Tính, anh Bình, bà Đua phải trích chia cho chị H1 số tiền là: 427.651.500 đồng.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Ngô Văn M1 phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Án phí chia tài sản: Anh M1, chị H1 mỗi người phải chịu 22.486.000 đồng án phí chia tài sản chung vợ chồng.

Xác nhận anh M1 đã nộp 8.470.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0008101 ngày 09/6/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Chi phí tố tụng: Anh M1, chị H1 mỗi người phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Xác nhận anh M1 đã nộp đủ. Buộc chị H1 phải trả cho anh M1 số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- UBND xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Chức